

Số: ~~1374~~/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình
mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018,
trên địa bàn huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và các văn bản khác liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và dự toán Công trình: Đường trục thôn buôn; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về

việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và mức vốn đầu tư phát triển cho các đơn vị để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018;

Xét Tờ trình số 237/TTr-SKHĐT ngày 12/6/2018, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 236/BC-SKHĐT ngày 12/6/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với Danh mục dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018, trên địa bàn huyện Ea Súp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018, trên địa bàn huyện Ea Súp, với các nội dung chính sau đây:

1. Tên Danh mục dự án: Danh mục dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018, trên địa bàn huyện Ea Súp.

2. Đơn vị đề xuất: UBND huyện Ea Súp.

3. Về nguồn vốn:

a) Sự phù hợp của các dự án đối với nguồn vốn đầu tư:

Danh mục các dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới do UBND huyện Ea Súp đề xuất phù hợp với nguồn vốn của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Sự phù hợp của các dự án đối với mục tiêu, đối tượng của từng chương trình:

- Đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Các dự án thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững do UBND huyện Ea Súp đề xuất phù hợp với mục tiêu, đối tượng của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016.

- Đối với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: Các dự án thuộc Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới do UBND huyện Ea Súp đề xuất phù hợp với mục tiêu, đối tượng của Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và điều chỉnh tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Về cân đối vốn:

Tổng mức đầu tư dự kiến: 33.490.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, bốn trăm chín mươi triệu đồng), trong đó:

4.1. Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018: 33.180.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, một trăm tám mươi triệu đồng), bao gồm:

a) Ngân sách Trung ương: 31.080.000.000 đồng, gồm:

- Chương trình Giảm nghèo bền vững : 9.680.000.000 đồng;
- Chương trình Xây dựng nông thôn mới: 21.400.000.000 đồng.

b) Ngân sách tỉnh: 2.100.000.000 đồng, gồm:

- Ngân sách tỉnh cân đối: 0 đồng;
- Xổ số kiến thiết: 2.100.000.000 đồng (Chương trình Nông thôn mới).

4.2. Ngân sách huyện: 0 đồng.

4.3. Ngân sách xã: 0 đồng.

4.4. Dân đóng góp và huy động khác: 310.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Danh mục dự án kèm theo)

5. Danh mục các dự án được phê duyệt (Tên dự án cụ thể; địa điểm đầu tư; quy mô đầu tư; tổng mức đầu tư dự kiến; thời gian và hình thức thực hiện): Chi tiết tại Danh mục dự án kèm theo.

6. Cấp quyết định đầu tư (phê duyệt hồ sơ công trình) từng dự án cụ thể: UBND cấp xã (Chi tiết tại Danh mục dự án kèm theo).

Điều 2. UBND huyện Ea Súp có trách nhiệm chỉ đạo UBND các xã tiến hành các bước tiếp theo theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 và Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ; Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 3841/UBND-CN ngày 23/5/2017 và Công văn số 8452/UBND-CN ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh; Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy định hiện hành để xác định cụ thể quy mô của từng dự án, thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định. Tổ chức huy động nguồn vốn nhân dân đóng góp: 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) để đảm bảo hoàn thành các công trình trong năm 2018, không để xảy ra nợ đọng trong đầu tư công.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia

Xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ea Súp; Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT;
LĐTB&XH (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- VP ĐPCTMTQG XD NTM TW (để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T- 50b)



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TỪ NGUỒN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP KẾ HOẠCH NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số **1374** /QĐ-UBND ngày **20** tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018										Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú	
								NSTW			Ngân sách tỉnh				NSH	NSX	Dân đóng góp và huy động khác				
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Bao gồm		Trong đó							
									GNBV	NTM		Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết	GNBV							NTM
1	2	3	4	5	6	7	(8=9+12+17+18+19)	(9=10+11)	10	11	(12=13+14)	13	(14=15+16)	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG CỘNG (A+B)						33.490	31.080	9.680	21.400	2.100	-	2.100	-	2.100	-	-	310			
A	CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG						9.825	9.680	9.680	-	-	-	-	-	-	-	-	145			
I	Xã Cư Khang		KV III				1.241	1.231	1.231	-	-	-	-	-	-	-	-	10			
I	Bê tông hóa đường giao thông thôn 7	Thôn 7		BQL xã Cư Khang	GTNT theo NQ 173	GT	1.241	1.231	1.231			-	-	-				10	2018	Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ; thuê đơn vị thi công thực hiện theo luật đấu thầu (tùy theo tình hình thực tế địa phương)	
II	Xã Ea Bung		KV II, hưởng cơ chế như KV III theo QĐ 900				1.131	1.116	1.116	-	-	-	-	-	-	-	-	15			
I	Bê tông hóa đường giao thông thôn 1	Thôn 1		BQL xã Ea Bung	GTNT theo NQ 173	GT	1.131	1.116	1.116			-	-	-				15	2018	Nt	
III	Xã Ea Rôk		KV III				1.241	1.231	1.231	-	-	-	-	-	-	-	-	10			
I	Bê tông hóa đường giao thông thôn 7	Thôn 7		BQL xã Ea Rôk	GTNT theo NQ 173	GT	1.241	1.231	1.231			-	-	-				10	2018	Nt	
IV	Xã Ia Jloi		KV III				1.241	1.231	1.231	-	-	-	-	-	-	-	-	10			
I	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5 đi thôn 4	Thôn 5, thôn 4		BQL xã Ia Jloi	GTNT theo NQ 173	GT	1.241	1.231	1.231			-	-	-				10	2018	Nt	
V	Xã Ia Lốp		KV III				1.241	1.231	1.231	-	-	-	-	-	-	-	-	10			
I	Bê tông hóa đường giao thông thôn Đoàn đi thôn Vũng (trục 1 - giai đoạn 3)	Thôn Đoàn, thôn Vũng		BQL xã Ia Lốp	GTNT theo NQ 173	GT	1.241	1.231	1.231			-	-	-				10	2018	Nt	
VI	Xã Ia Rvê		KV III				1.232	1.220	1.220	-	-	-	-	-	-	-	-	12			
I	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng thôn 1	Thôn 1		BQL xã Ia Rvê	GTNT theo NQ 173	GT	1.232	1.220	1.220			-	-	-				12	2018	Nt	
VII	Xã Ya Tờ Môt		KV III				1.230	1.220	1.220	-	-	-	-	-	-	-	-	10			
I	Bê tông hóa đường giao thông thôn 14A, thôn 14B	Thôn 14A, thôn 14B		BQL xã Ya Tờ Môt	GTNT theo NQ 173	GT	1.230	1.220	1.220			-	-	-				10	2018	Nt	
VIII	Xã Cư M'lan		KV II				418	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	18			

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018										Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú
								NSTW			Ngân sách tỉnh				NSH	NSX	Dân đóng góp và huy động khác			
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Bao gồm								
									GNBV	NTM		Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết	GNBV						
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 7 (giai đoạn 1)	Thôn 7	Thôn ĐBK	BQL xã Cư M'lan	GTNT theo NQ 173	GT	209	200	200		-	-	-				9	2018	Nt	
2	Bê tông hóa đường giao thông thôn Bình Lợi (giai đoạn 3)	Thôn Bình Lợi	Thôn ĐBK	BQL xã Cư M'lan	GTNT theo NQ 173	GT	209	200	200		-	-	-				9	2018	Nt	
IX	Xã Ea Lê		KV II				850	800	800	-	-	-	-	-	-	-	50			
1	Làm mới đường giao thông nội đồng thôn 12	Thôn 12	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Lê	GTNT theo NQ 173	GT	216	200	200		-	-	-				16	2018	Nt	
2	Làm mới đường giao thông nội đồng thôn 15	Thôn 15	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Lê	GTNT theo NQ 173	GT	216	200	200		-	-	-				16	2018	Nt	
3	Làm mới sân bê tông, cổng tường rào lớp học mầm non thôn 17	Thôn 17	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Lê	GTNT theo NQ 173	GT	208	200	200		-	-	-				8	2018	Nt	
4	Bê tông hóa đường giao thông thôn 19	Thôn 19	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Lê	GTNT theo NQ 173	GT	210	200	200		-	-	-				10	2018	Nt	
B	CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						23.665	21.400	-	21.400	2.100	-	2.100	-	2.100	-	-	165		
I	Xã Ia Jloi		KV III				2.010	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	10			
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5 đi thôn 6 và cổng qua đường	Thôn 5, thôn 6		BQL xã Ia Jloi	GTNT theo NQ 173	GT	2.010	2.000		2.000	-	-	-				10	2018	Nt	
II	Xã Ea Rôk		KV III				2.410	2.400	-	2.400	-	-	-	-	-	-	10			
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 11 đi thôn 13	Thôn 11, thôn 13		BQL xã Ea Rôk	GTNT theo NQ 173	GT	2.410	2.400		2.400	-	-	-				10	2018	Nt	
III	Xã Ya Tờ Mốt		KV III				2.015	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	15			
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 9 đi thôn 14	Thôn 9, thôn 14		BQL xã Ya Tờ Mốt	GTNT theo NQ 173	GT	1.207	1.200		1.200	-	-	-				7	2018	Nt	
2	Bê tông hóa đường giao thông thôn 4 đi thôn 6	Thôn 4, thôn 6		BQL xã Ya Tờ Mốt	GTNT theo NQ 173	GT	808	800		800	-	-	-				8	2018	Nt	
IV	Xã Cư Kbang		KV III				2.620	2.600	-	2.600	-	-	-	-	-	-	20			
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 4A đi thôn 4B	Thôn 4A, thôn 4B		BQL xã Cư Kbang	GTNT theo NQ 173	GT	1.310	1.300		1.300	-	-	-				10	2018	Nt	
2	Bê tông hóa đường giao thông thôn 12 đi thôn 13	Thôn 12, thôn 13		BQL xã Cư Kbang	GTNT theo NQ 173	GT	1.310	1.300		1.300	-	-	-				10	2018	Nt	

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018										Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú		
								NSTW			Ngân sách tỉnh					NSH	NSX				Dân đóng góp và huy động khác	
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Bao gồm			Trong đó							
									GNBV	NTM		Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết	GNBV	NTM							
V	Xã Ia Rvê		KV III				4.495	4.450	-	4.450	-	-	-	-	-	-	-	45				
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 8 đi thôn 10	Thôn 8, thôn 10		BQL xã Ia Rvê	GTNT theo NQ 173	GT	1.665	1.650		1.650	-	-	-					15	2018	Nt		
2	Bê tông hóa đường giao thông thôn 12	Thôn 12		BQL xã Ia Rvê	GTNT theo NQ 173	GT	1.110	1.100		1.100	-	-	-					10.0	2018	Nt		
3	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5	Thôn 5		BQL xã Ia Rvê	GTNT theo NQ 173	GT	1.720	1.700		1.700	-	-	-					20.0	2018	Nt		
VI	Xã Ia Lốp		KV III				4.620	4.600	-	4.600	-	-	-	-	-	-	-	20				
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn Đoàn đi thôn Vùng đoạn từ cổng đôi đến ngã ba thôn Dự	Thôn Đoàn, thôn Vùng		BQL xã Ia Lốp	GTNT theo NQ 173	GT	2.810	2.800		2.800	-	-	-					10.0	2018	Nt		
2	Bê tông hóa đường giao thông thôn Đoàn đi thôn Vùng đoạn từ cổng ba đến ngã ba thôn Vùng	Thôn Đoàn, thôn Vùng		BQL xã Ia Lốp	GTNT theo NQ 173	GT	1.810	1.800		1.800	-	-	-					10.0	2018	Nt		
VII	Xã Ea Bung		KV II, hướng cơ chế như KV III theo QĐ 900				3.375	3.350	-	3.350	-	-	-	-	-	-	-	25				
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 2 đoạn từ nhà bà Dân đến nhà ông Thành	Thôn 2		BQL xã Ea Bung	GTNT theo NQ 173	GT	705	700		700	-	-	-					5.0	2018	Nt		
2	Bê tông hóa đường giao thông thôn 3 đi nghĩa địa thôn 2	Thôn 3, thôn 2		BQL xã Ea Bung	GTNT theo NQ 173	GT	555	550		550	-	-	-					5.0	2018	Nt		
3	Bê tông hóa đường giao thông thôn 7 đoạn từ nhà ông Quán đến nhà ông Hồng	Thôn 7		BQL xã Ea Bung	GTNT theo NQ 173	GT	705	700		700	-	-	-					5.0	2018	Nt		
4	Bê tông hóa đường giao thông thôn 7 đoạn từ nhà ông Thiệu đến nhà ông Chung	Thôn 7		BQL xã Ea Bung	GTNT theo NQ 173	GT	1.410	1.400		1.400	-	-	-					10.0	2018	Nt		
VIII	Xã Ea Lê		KV II				1.060	-	-	-	1.050	-	1.050	-	1.050	-	-	10				
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 8 đoạn từ nhà ông Hải đến nhà ông Thôi	Thôn 8	Thôn ĐBKk	BQL xã Ea Lê	GTNT theo NQ 173	GT	1.060	-			1.050	-	1.050		1.050			10.0	2018	Nt		
IX	Xã Cư M'lan		KV II				1.060	-	-	-	1.050	-	1.050	-	1.050	-	-	10				
1	Bê tông hóa đường giao thông thôn 4 đi thôn 5 đoạn từ nhà ông Ngọc Anh đến nhà ông Trọng	Thôn 4, thôn 5		BQL xã Cư M'lan	GTNT theo NQ 173	GT	1.060	-			1.050	-	1.050		1.050			10.0	2018	Nt		